

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT

Ngày: 10-3- 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê khoán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Thanh

Ông Võ Đình Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Ông Nguyễn Đình Nhật – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2022/TLPT-KDTM ngày 15/12/2022 về “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 15/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐPT-KDTM ngày 10/02/2023, Thông báo dời ngày xét xử số 01/TB-KDTM ngày 23/02/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi K. Địa chỉ: Phường S, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Thanh T; địa chỉ: Phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (giấy ủy quyền số 001/2020/GUQ-TLKH ngày 07/6/2020). Ông Đào Thanh T có mặt.

- *Bị đơn:* Doanh nghiệp tư nhân nuôi trồng thủy sản M (Nay đổi thành Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M).

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh K – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông Trần Anh K có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Huỳnh Quốc Đ; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Ông Huỳnh Quốc Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/11/2011, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K và DNTN xí nghiệp nuôi trồng thủy sản M (nay đổi thành Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 288/HĐKT/CT về nội dung thuê khoán mặt bằng nước hồ Ch để nuôi cá; Ngày 31/12/2014 hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 699/PLHĐ-CT điều chỉnh về giá thuê khoán.

Theo thỏa thuận Hợp đồng bên nhận thuê phải chấp hành tốt nội quy bảo vệ hồ chứa nước và các quy định của pháp luật về Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đại diện bên cho thuê khoán đã nhắc nhở ông Trần Anh K thực hiện việc xin giấy phép hoạt động trong phạm vi công trình thủy lợi nhưng cho đến nay DNTN xí nghiệp nuôi trồng thủy sản M vẫn không thực hiện.

Công ty nuôi trồng thủy sản M không cung cấp được “Giấy phép hoạt động trong phạm vi công trình thủy lợi” khi thực hiện nuôi trồng thủy sản tại hồ Ch là không đúng với thỏa thuận của Hợp đồng được hai bên ký kết, không đúng với quy định của pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi. Ngày 18/02/2019 đại diện hai bên đã gặp nhau để thỏa thuận thanh lý hợp đồng kinh tế số 288/HĐKT-CT và phụ lục 699/PLHĐ-CT. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất được do công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M yêu cầu bồi thường.

Nay Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K yêu cầu chấm dứt hợp đồng số 288/HĐKT/CT ngày 30/11/2011 và Phụ lục hợp đồng số 699/PLHĐ-CT ngày 31/12/2014, công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M tháo gỡ di dời nhà nổi trên lòng hồ và hoàn trả bàn giao mặt bằng hồ Ch cho Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M có ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K thuê mặt nước hồ Ch để nuôi trồng Thủy sản như nguyên đơn đã trình bày là do Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn là không đúng. Quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế số 288/HĐKT/CT ký ngày 30/11/2011, công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M cũng đã làm các thủ tục để xin cấp phép theo đúng quy định nhưng phía Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K không hỗ trợ, dẫn đến việc công ty chúng tôi gặp khó khăn và không xin được giấy phép. Nay Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán” và yêu cầu chấm dứt hợp đồng với công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M, tôi không đồng ý và yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quốc Đ trình bày:

Ngày 24/3/2016 tôi có ký hợp đồng với ông Trần Anh K là giám đốc công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M thuê mặt nước hồ Ch để nuôi cá lồng bè. Năm 2016, tôi có khoảng 100 lồng bè để nuôi cá Thát Lát, khi giữa hai công ty tranh chấp thì tôi tháo gỡ toàn bộ lồng bè, năm 2019 tôi đã bán thanh lý hết, hiện tại trên hồ Ch không còn lồng bè nào, chỉ còn nhà nổi đã cũ. khi Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K xảy ra tranh chấp với công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M làm tôi thiệt hại số tiền 2.530.000.000 đồng. Tôi không yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 501, 510 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 385, 401, 402, 423 và Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 11 Điều 8, điểm h Điều 44 Luật thủy lợi;

Căn cứ khoản 6 Điều 24 Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi K về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán” với Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M.

Chấm dứt hợp đồng kinh tế số 288/HĐKT/CT ngày 30/11/2011 và Phụ lục hợp đồng số 699/PLHĐ-CT ngày 31/12/2014. Buộc ông Trần Anh K – Giám đốc công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M phải bàn giao mặt bằng hồ Ch, địa chỉ tại xã Diên Điện, huyện K, tỉnh Khánh Hòa cho Công ty TNHH NTV khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên và phần án phí, quy định thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2022, bị đơn - Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Quốc Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản M và ông Huỳnh Quốc Đ đúng thời hạn luật định nên hợp lệ, cần được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 30/11/2011 Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Kvà Doanh nghiệp tư nhân nuôi trồng thủy sản M (nay là Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Miền Trung) ký kết hợp đồng kinh tế số 288/HĐKT-CT để thuê mặt nước hồ Ch để nuôi cá. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Pháp lệnh số 32 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2001 và khoản 6 Điều 24 Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thì hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có giấy phép. Như vậy Hợp đồng số 288/HĐKT-CT ngày 30/11/2011 ký giữa Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Kvà Doanh nghiệp tư nhân nuôi trồng thủy sản M (nay là Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Miền Trung) và các Phụ lục kèm theo bị vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Theo quy định tại Khoản 1 Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về hậu quả pháp lý của hợp đồng dân sự vô hiệu xác định “*Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập*” nên cần xác định Hợp đồng số 288/HĐKT-CT ngày 30/11/2011 vô hiệu kể từ thời điểm các bên xác lập, mà không thể xác định và tuyên “chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 288/HĐKT/CT ngày 30/11/2011” trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng theo Điều 510 Bộ luật dân sự 2005 như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định. Đồng thời theo hướng dẫn tại mục 2. Phần Dân sự của Giải đáp số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì: “*Khi giải quyết vụ án dân sự có yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì Tòa án phải giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Việc giải thích phải được ghi vào biên bản và lưu vào hồ sơ vụ án. Trường hợp Tòa án đã giải thích nhưng tất cả đương sự vẫn không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không phải giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu; trừ trường hợp đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba*”. Việc Tòa án sơ thẩm không phát hiện căn cứ xác định Hợp đồng trên vô hiệu dẫn đến không thực hiện nội dung này là không đảm bảo căn cứ xem xét, giải quyết theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao như đã phân tích ở trên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

[2.3] Do Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ các nội dung liên quan đến việc các bên đã thực hiện Hợp đồng số 288/HĐKT/CT ngày 30/11/2011 và Phụ lục hợp đồng số 699/PLHĐ-CT ngày 31/12/2014, như: giá trị hợp đồng trong thực tế (tính

đến thời điểm hiện tại); việc thanh toán, thực hiện nghĩa vụ của các bên trong Hợp đồng cũng như mức độ lỗi và thiệt hại của các bên (nếu có) của các bên trong việc Hợp đồng trên bị vô hiệu nên không có cơ sở cho việc xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu với nội dung “bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại” như Khoản 2 Điều 137 BLDS 2005 đã quy định.

[2.4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vào ngày 01/6/2018 các bên có ký tiếp Phụ lục hợp đồng số 01/2018 với nội dung điều chỉnh theo quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc thành lập Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Knhưng quá trình giải quyết HĐKT số 288/HĐKT/CT ngày 30/11/2011 và Phụ lục hợp đồng số 699/PLHĐ-CT ngày 31/12/2014 Tòa án sơ thẩm đã không xem xét tính hợp pháp để giải quyết đối với Phụ lục Hợp đồng này là thiếu sót.

[2.5] Theo Biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm, trên lòng hồ Ch còn có một nhà nổi của ông Huỳnh Quốc Đ làm nhưng bản án sơ thẩm không giải quyết là thiếu sót, gây khó khăn khi thi hành án.

[2.6] Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Tại mục III của Giấy uỷ quyền ngày 01/6/2020, ông Phạm L - Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi uỷ quyền cho ông Đinh Văn Mỹ- Phó Giám đốc thực hiện các công việc, trong đó có việc “Ký văn bản uỷ quyền cho Luật sư Công ty Luật TNHH T đại diện cho Công ty làm việc trực tiếp với các tổ chức cá nhân liên quan, đồng thời là đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án liên quan đến công tác khởi kiện các hợp đồng trồng cây, nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa nước...”. Hồ sơ vụ án tại cấp sơ thẩm không có tài liệu nào thể hiện ông Đào Thanh T là Luật sư của Công ty Luật TNHH T. Vì vậy, việc Tòa án nhân dân TP. N chấp nhận việc uỷ quyền lại của ông Đinh Văn M cho ông Đào Thanh T và xác định ông Đào Thanh T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là chưa phù hợp.

[2.7] Do cấp sơ thẩm có sai sót và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, trong đó có nội dung cấp phúc thẩm không khắc phục được nên căn cứ Khoản 3 Điều 308 BLTDS Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy Bản án KDTMST số 15/2022/KDTM-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết sơ thẩm lại.

[3] Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản M và ông Huỳnh Quốc Đ không phải nộp án phí KDTM phúc thẩm; Trả lại cho Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản M và ông Huỳnh Quốc Đ số tiền 2.000.000 tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hủy Bản án KDTMST số 15/2022/KDTM-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết sơ thẩm lại.

2. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản M và ông Huỳnh Quốc Đ không phải nộp án phí KDTM phúc thẩm; Trả lại cho Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản M 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002786 và ông Huỳnh Quốc Đ 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002785 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP N;
- Chi cục THADS TP N;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đường